

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 01 – 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chiếu

2. Ông Trần Minh Đáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa đương sự:

Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông **B**, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà A trình bày: Vào năm 2011, bà A và ông B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, bà A với ông B phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Từ năm 2014, bà A với ông B sống ly thân đến nay. Sau khi ly thân, bà A với anh B không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A và ông B có một người con chung là cháu C sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015, hiện nay cháu C đang sống chung với bà A. Khi ly hôn, bà A yêu

cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định quá trình chung sống bà A và ông B không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông B trình bày: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông B với bà A đã ly thân từ năm 2014 và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay ông B cũng đồng ý ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông B đồng ý giao cháu C cho bà A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định quá trình chung sống ông B với bà A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông B. Về con chung, giao cháu C sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015 cho bà A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí, bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu xin ly hôn với ông B. Khi khởi kiện ông B cư trú tại ấp L, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bà A và ông B đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A với ông B.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông B có một người con chung là cháu C sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015. Cả bà A và ông B đều xác định hiện cháu C đang sống chung với bà A, cháu C sống tốt và phát triển bình thường. Ông B đồng ý giao cháu C cho bà A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cháu C sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015 cho bà A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu. Ông B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà A đều xác định quá trình chung sống bà A và ông B không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 59, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A và ông B.
2. Về con chung: Giao cháu C sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015 cho bà A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; (hiện cháu C đang sống chung với bà A). Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông B không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005123 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.
6. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện V, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Trang Thảo